

bạc; ngày 01/10/2016, bị Công an huyện Đ, tỉnh Phú Yên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng về hành vi đánh người khác gây thương tích; bị bắt tạm giam từ ngày 08/9/2020 đến ngày 04/02/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Duy Q, sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Đăng N, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; tiền án tiền sự: không; nhân thân: Ngày 09/5/2017 bị Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi đánh người khác gây thương tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2020 đến ngày 12/12/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác.

3. Lương Thế C (tên gọi khác: C), sinh năm 1995; nơi đăng ký thường trú: thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Cha không xác định và mẹ Lương Thị Mỹ O; tiền án: không; tiền sự: Ngày 03/3/2020, bị Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính 3.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Ngày 02/6/2016, bị Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 06/7/2017 bị Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Nguyễn Công H1 (tên gọi khác: B), sinh năm 1990; nơi đăng ký thường trú: thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn H, sinh năm 1966 và bà Trần Thị K, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 11/11/2014, bị Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên quyết định xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi đánh nhau; Ngày 16/3/2017, bị Công an phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Lê Thị B T, sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Phú Yên; nơi tạm trú: Phường 8, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: nhân viên phục vụ; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn V (chết) và bà Lưu Thị Đ, sinh năm 1963; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 04/9/2020, Nguyễn Bá T thấy xe ô tô của Huỳnh Thị Kim M (người yêu cũ của T) trước quán C Coffee (địa chỉ thành phố T, tỉnh Phú Yên) nên T vào để nói chuyện với M thì thấy M ngồi chơi với Nguyễn Tùng L, Trịnh Văn H, Nguyễn Vũ Minh T và một số người khác. Do nghĩ M và T có tình cảm với nhau nên T gọi M, H ra ngoài nói chuyện, H nói “có chuyện gì anh chừ nói ở đây”, T dùng tay đánh vào mặt H thì anh Võ Q B (chủ quán) cùng M can ngăn ôm đẩy T ra, T đứng thách thức nhau với H thì có Lê Văn T và Nguyễn Duy Q là bạn của T đi đến quán C Coffee. T rút trong túi quần 01 con dao bấm bằng kim loại dài 17cm đâm H hướng từ trên xuống trúng mí mắt phải của H, anh B và M can ngăn ôm đẩy T ra, T dùng tay đánh trúng mặt H. L dùng vỏ chai bia đánh T thì T cầm mũ bảo hộ lao động và ghé gối cùng Q dùng ghé gối và bàn gỗ đánh L. L dùng ghé gối đánh lại Q và T. T vùng vẫy khỏi sự can ngăn của B và M rồi cầm dao chạy đến đâm L 01 nhát hướng từ trên xuống trúng ngực phải của L, L chạy xuống phía sau quán ngất xỉu được mọi người đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên cấp cứu thì chết.

Sau đó, T, T, Q đến phòng trọ của Nguyễn Đình H ở phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên, tại đây có H, Lê Thị B T, Huỳnh Ngọc L, Lương Thế C, một lúc sau có Nguyễn Thành L và Lê Nam H đến chơi, thấy T bị thương nên L, H đi gọi y tá đến khâu vết thương cho T. T vào phòng nói cho tất cả mọi người nghe T đánh nhau và đâm một người thanh niên bị thương tích nặng, không biết sống chết ra sao rồi đưa con dao bảo L đi vứt, L đem vứt vào bụi tre phía sau nhà trọ. T, H, T, L và C lên mạng xã hội Facebook tìm hiểu thông tin về vụ việc thì biết L bị T dùng dao đâm đã chết nên H dẫn T đi trốn. T điện thoại cho Trần Văn V nói là T vừa đánh nhau nên V bảo T vào nhà V thuê ở thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa ở vài hôm. Sáng ngày 05/9/2020, T, Q, T đến nhà V. T kể rõ cho V nghe việc T dùng dao đâm chết người tại quán C Coffee, ở nhà V ăn uống và chơi đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì đi về Phú Yên trốn. Chiều cùng ngày, T điện thoại cho H bảo H có chỗ nào để T gặp mặt anh em lần cuối rồi đi đầu thú, H bảo T đến nhà T (bạn gái H) ở khu phố 1, phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyễn Công H1 nghe tin T đánh chết người nên đến phòng trọ của H tìm T rồi cùng H, C, L, T đến nhà T. Khoảng 21 giờ cùng ngày, T đến nhà T tiếp tục nói cho H, C, L, T, H1 biết việc T đâm L chết tại quán C Coffee. Sáng ngày 06/9/2020, T đi mua đồ ăn sáng cho cả nhóm thì thấy lực lượng Công an nên về nói cho cả nhóm biết, H bảo T mượn xe mô tô chở H, T đi trốn, nên T mượn xe mô tô đưa cho H điều khiển chở T và T ra đến đường Q lộ 1A thì T quay lại, còn H, T đón taxi đến huyện Đ, tỉnh Phú Yên; đến 13 giờ cùng ngày H và T đi về lại thành phố T thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Bản kết luận giám định pháp y số 188/TgT ngày 25/9/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Nguyễn Tùng L chết là do mất máu cấp.

Bản kết luận giám định pháp y số 261/GĐHS ngày 17/9/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Thương tích của Nguyễn Tùng L là 51% do vật tày + vật sắc nhọn gây ra.

Tại Công văn số 49/CVGD ngày 22/9/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên xác định: Sau khi trừ vết thương vai phải đến ngực phải gây rách động mạch phổi, thương tích còn lại 8,7% (làm tròn 09%).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 288/TgT ngày 14/10/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Trịnh Văn H bị thương tích 06% do vật có cạnh sắc gây nên.

Ngày 21/9/2020, Nguyễn Văn H là đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Tùng L có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự về việc L bị thương tích. Ngày 28/10/2020, bị hại Trịnh Văn H có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2021/HSST ngày 15-11-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Bá T phạm các tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”; các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Duy Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”; các bị cáo Nguyễn Đình H, Lê Thị B T phạm tội “Che giấu tội phạm”; các bị cáo Lê Văn C, Nguyễn Công H1, Huỳnh Ngọc L, Trần Văn V phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 123 và điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Bá T;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Duy Q; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy Q;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đình H, Lê Thị B T; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình H;

Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lương Thế C, Nguyễn Công H1;

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Bá T 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Giết người” và 09 (Chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 (Hai) tội buộc bị cáo phải chấp hành là 20 (Hai mươi) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/9/2020.

- Bị cáo Lê Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi

hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2020 đến ngày 12/12/2020.

- Bị cáo Nguyễn Duy Q 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2020 đến ngày 12/12/2020.

- Bị cáo Nguyễn Đình H 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 08/9/2020 đến ngày 04/2/2021.

- Bị cáo Lương Thế C 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Công H1 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Lê Thị B T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự; phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 16-11-2021 bị cáo Lê Thị B T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17-11-2021 bị cáo Nguyễn Đình H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22-11-2021 bị cáo Nguyễn Công H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 29-11-2021 bị cáo Nguyễn Duy Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30-11-2021 bị cáo Lương Thế C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, đối với bị cáo Lê Thị B T xin bổ sung nội dung kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt theo hướng được hưởng án treo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung các kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Duy Q, Nguyễn Đình H, Lương Thế C, Nguyễn Công H1, giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo này. Riêng bị cáo Lê Thị B T là nữ, phạm tội đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo H nên có vị trí thứ yếu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có tình tiết

giảm nhẹ mới, nên đủ điều kiện cho hưởng án treo; đề nghị chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo đối với bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị cáo Nguyễn Bá T đã bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xử phạt 11 năm 06 tháng tù về các tội “Cố ý gây thương tích” và “Cướp giật tài sản” nhưng chưa được xóa án tích. Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 04/9/2020, tại quán café C, địa chỉ tại số 111 Lê Thánh Tôn, Phường 3, thành phố T, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Bá T đã có hành vi dùng dao bấm (là hung khí nguy hiểm) đâm trúng vào mí mắt phải anh Trịnh Văn H gây thương tích với tỷ lệ 06% và đâm vào ngực phải của anh Nguyễn Tùng L làm anh L chết. Bản án sơ thẩm đã quyết định bị cáo Nguyễn Bá T phạm tội “*Giết người*” và “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm n, p khoản 1 Điều 123 và điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[2] Cùng trong khoảng thời gian trên, các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Duy Q đã có hành vi dùng mũ bảo hộ lao động, bàn gỗ, ghế gỗ đánh anh Nguyễn Tùng L gây thương tích tỷ lệ 09%. Tuy tỷ lệ thương tích của bị hại dưới 11% nhưng các bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho người bị hại. Các bị cáo T, Q khi tham gia đánh nhau chỉ là bộc phát, giữa các bị cáo T, Q và bị cáo T không có sự bàn bạc, thống nhất ý chí trước khi tham gia đánh nhau, hành vi đánh L gây thương tích của T, Q độc lập với hành vi dùng dao đâm bị hại L của T. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm xác định Q không có dấu hiệu đồng phạm với Nguyễn Bá T về tội giết người và đã quyết định Nguyễn Duy Q phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3] Vào tối ngày 04/9/2020 và ngày 05/9/2020, tại phòng trọ của Nguyễn Đình H ở Phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên; sau đó là tại nhà của Trần Văn V thuê ở tỉnh Khánh Hòa, rồi đến tại nhà của Lê Thị B T ở tỉnh Phú Yên; các bị cáo Nguyễn Đình H, Lê Thị B T đều biết rõ Nguyễn Bá T thực hiện tội phạm giết người nhưng đã có hành vi che giấu T. Các bị cáo Lương Thế C, Nguyễn Công H1 đều biết rõ T đã thực hiện tội phạm giết người, mặc dù các bị cáo có đủ thời gian và điều kiện báo cho Cơ quan Công an có thẩm quyền bắt giữ T, nhưng các bị cáo đã không trình báo. Bản án sơ thẩm đã quyết định các bị cáo Nguyễn Đình H, Lê Thị B T phạm tội “*Che giấu tội phạm*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lương Thế C, Nguyễn

Công H1 phạm tội “*Không tố giác tội phạm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Duy Q thì thấy, bị cáo đã từng bị xử lý hành chính về hành vi “*Đánh người khác gây thương tích*” nay lại tiếp tục có hành vi gây thương tích cho người khác. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo 09 tháng tù là đã có phần nhẹ; tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Đối với các bị cáo Nguyễn Đình H, khi biết Nguyễn Bá T thực hiện tội phạm giết người, đã tích cực giúp cho T lẫn trốn. Bị cáo Nguyễn Đình H có nhân thân xấu, trước đó đã bị kết án về tội “*Cố ý gây thương tích*” và bị xử phạt hành chính về các hành vi “*Đánh bạc*”, “*Đánh người gây thương tích*”. Bị cáo Nguyễn Đình H được hưởng tình tiết giảm nhẹ thật thà khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có mẹ mới mất nên có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp; tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[6] Đối với bị cáo Lê Thị B T, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “*Che giấu tội phạm*” với vai trò giúp sức cho bị cáo Nguyễn Đình H. Bị cáo T không chủ động che giấu bị cáo T mà thực hiện theo sự sai bảo của bị cáo H (T là bạn gái của H). Bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo T đồng phạm với vai trò giúp sức nên có vị trí thứ yếu, tại phiên tòa phúc thẩm cung cấp Giấy xác nhận của Chính quyền địa phương về việc luôn chấp hành tốt các hoạt động phong trào, chưa từng vi phạm pháp luật, có hoàn cảnh gia đình khó khăn vì cha mất sớm, mẹ phải đi làm ăn xa; do đó cần áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do có thêm tình tiết giảm nhẹ mới và bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời với tính chất và mức độ thứ yếu của hành vi phạm tội, thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo, mà để bị cáo được tự cải tạo tại nơi cư trú, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T.

[7] Đối với các bị cáo Lương Thế C, Nguyễn Công H1 đều có nhân thân xấu, cụ thể: Bị cáo Lương Thế C nhiều lần bị xử lý vi phạm hành chính về hành

vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Công H1 bị xử lý hành chính về các hành vi “Đánh nhau”, “Đánh bạc”. Bản án hình sự sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt mỗi bị cáo 01 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[8] Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Lê Thị B T không phải chịu; các bị cáo Nguyễn Đình H, Nguyễn Duy Q, Lương Thế C, Nguyễn Công H1, phải chịu án phí mỗi bị cáo là 200.000 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình H, Nguyễn Duy Q, Lương Thế C, Nguyễn Công H1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị B T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Lê Thị B T.

2. Về hình phạt đối với các bị cáo kháng cáo:

2.1- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q 09 (Chín) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2020 đến ngày 12/12/2020.

2.2- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 01 (Một) năm tù về tội “*Che giấu tội phạm*”; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 08/9/2020 đến ngày 04/2/2021.

2.3- Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lương Thế C 01 (Một) năm tù về tội “*Không tố giác tội phạm*”; thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.4- Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Công H1 01 (Một) năm tù về tội “*Không tố giác tội phạm*”; thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.5- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị B T 09 (Chín)

tháng tù về tội “*Che giấu tội phạm*”; nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị B T cho Ủy ban nhân dân phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

3. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Đối với các khoản án phí hình sự sơ thẩm, thì Bản án hình sự sơ thẩm đã quyết định cụ thể số tiền đối với từng bị cáo; Bản án phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần nội dung này, các khoản tiền mà các bị cáo đã tự nguyện thi hành nộp trước khi xét xử phúc thẩm có Biên lai thu của Cơ quan thi hành án dân sự, thì Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền hoàn thành thủ tục thi hành án theo quy định chung.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm, buộc các bị cáo: Nguyễn Đình H, Nguyễn Duy Q, Lương Thế C, Nguyễn Công H1; mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Thị B T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22-03-2022).

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- Vụ I-TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKS ND tỉnh Phú Yên;
- Công an tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long